

Bản án số: 265/2024/DS-PT

Ngày: 11 - 7 - 2024

V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2024/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Tuyết M. Sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Sang, sinh năm 1965; địa chỉ: 30 đường số 2, khu phố 2, phường Phú Mỹ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành C. Sinh năm: 1981 (có mặt).

Bà Dương Thùy V. Sinh năm: 1983 (vắng).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C ..

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Tuyết M trình bày:

Đã qua bà có làm chủ nhiều dây hụi, quá trình mở hụi bà Dương Thùy V và ông Nguyễn Thành C có tham gia nhiều dây hụi. Tại bản án dân sự số

176/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân và bản án dân sự phúc thẩm số 106/2023/DS-PT ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã buộc bà V, ông C có nghĩa vụ trả cho bà tiền nợ hụi đến ngày 02/4/2022 là 940.000.000 đồng. Từ khi các bản án tuyên buộc bà V, ông C trả tiền hụi cho bà đến nay bà V, ông C vẫn không đóng thêm hụi chết cho bà. Như vậy, từ ngày 02/4/2022 đến ngày 20/7/2023, bà Dương Thùy V và ông Nguyễn Thành C còn nợ bà 405.000.000 đồng của 11 dây hụi. Cụ thể bà V, ông C tham gia hụi và không đóng hụi chết như sau:

- Dây hụi 1, mở ngày 02/9/2020 dương lịch, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng mở 02 lần, có tổng số 40 phần hụi, tham gia 02 phần, đã hốt 02 phần hụi trên và bà M đã giao đủ tiền hụi. Từ ngày 02/4/2022 đến nay, bà V ông C vẫn không góp hụi chết. Dây hụi đã mãn ngày 15/5/2022 đã mãn, bà V ông C nợ bà 04 phần hụi chết tương đương với số tiền là 4.000.000 đồng.

- Dây hụi 1, mở ngày 02/5/2020 dương lịch, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 36 phần hụi, tham gia 01 phần, đã hốt hụi và bà M giao đủ tiền hốt hụi. Từ ngày 02/4/2022 đến nay, góp hụi chết cho bà. Dây hụi đã mãn vào ngày 02/5/2023, bà V và ông C nợ bà 13 phần hụi chết tương đương với số tiền là 26.000.000 đồng.

- Dây hụi 2, mở ngày 02/9/2020 dương lịch, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 36 phần hụi, tham gia 02 phần, đã hốt 02 phần và bà đã giao đủ tiền hụi. Từ ngày 02/4/2022 đến ngày mãn hụi, vẫn không thực hiện việc góp hụi chết cho bà. Dây hụi mãn vào ngày 02/9/2023, bà V và ông C nợ bà 17 tháng tương đương 34 phần hụi chết với số tiền là 68.000.000 đồng.

- Dây hụi 4, mở ngày 02/01/2020 dương lịch, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 37 phần hụi, tham gia 02 phần, đã hốt 02 phần hụi trên và bà M đã giao đủ tiền hốt hụi. Từ ngày 02/4/2022 đến khi mãn hụi ngày 02/02/2023, vẫn không thực hiện việc góp hụi chết cho bà, còn nợ bà 10 tháng tương đương 20 phần hụi chết với số tiền là 40.000.000 đồng.

- Dây hụi 6, mở ngày 02/3/2020 dương lịch, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 36 phần hụi, tham gia 01 phần, đã hốt hụi và bà M đã giao đủ tiền hụi. Từ ngày 02/4/2022 đến mãn hụi ngày 02/03/2023, vẫn không thực hiện việc góp hụi chết, còn nợ 11 phần hụi chết với số tiền là 22.000.000 đồng.

- Dây hụi 7, mở ngày 02/3/2020 dương lịch, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 36 phần hụi, tham gia 02 phần và đã hốt 02 phần hụi, bà M đã giao đủ tiền hụi. Từ ngày 02/4/2022 đến ngày mãn hụi, vẫn không thực hiện việc góp hụi chết cho bà. Dây hụi đã mãn vào ngày 02/03/2023, còn nợ bà 11 kỳ hụi chết x 02 phần, với số tiền là 44.000.000 đồng.

- Dây hụi 8, mở ngày 02/4/2020 dương lịch, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 36 phần hụi, tham gia 02 phần, đã hốt 02 phần hụi trên và bà M đã giao đủ tiền hụi. Từ ngày 02/4/2022 đến ngày 02/04/2023 mãn hụi, vẫn không thực hiện việc góp hụi chết cho bà, nợ bà 12 tháng tương đương 24 phần hụi chết với số tiền là 48.000.000 đồng.

- Dây hội 1, mở ngày 02/11/2019 dương lịch, hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 32 phần hội, tham gia 02 phần, đã hót 02 phần hội và bà M đã giao đủ tiền hội. Từ ngày 02/4/2022 đến ngày mãn hội, vẫn không thực hiện việc góp hội chết cho bà. Dây hội đến ngày 02/07/2022 mãn, nợ bà 06 phần hội chết tương đương với số tiền là 18.000.000 đồng.

- Dây hội 7, mở ngày 02/01/2019 dương lịch, hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 40 phần hội, gia 01 phần, đã hót 01 phần hội và bà M đã giao đủ tiền hội. Từ ngày 02/4/2022 đến ngày 02/05/2022 mãn hội vẫn không thực hiện việc góp hội chết cho bà, nợ bà 01 phần hội chết với số tiền là 3.000.000 đồng.

- Dây hội 8, mở ngày 02/6/2019 dương lịch, hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 40 phần hội, tham gia 02 phần, đã hót 02 phần hội và bà M đã giao đủ tiền hội. Từ ngày 02/4/2022 đến ngày mãn hội, vẫn không thực hiện việc góp hội chết cho bà. Dây hội đã mãn vào ngày 02/10/2022, nợ bà 12 phần hội chết với số tiền là 36.000.000 đồng.

- Dây hội 9, mở ngày 02/8/2020 dương lịch, hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, có tổng số 36 phần hội, tham gia 02 phần, đã hót 02 phần hội trên và bà đã giao đủ tiền hội. Từ ngày 02/4/2022 đến mãn hội ngày 02/8/2023 vẫn không thực hiện việc góp hội chết cho bà, nợ bà 32 phần hội chết với số tiền là 94.000.000 đồng.

Vì vậy, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thùy V và ông Nguyễn Thành C trả cho bà tổng số tiền nợ hội là 405.000.000 đồng và tính lãi suất đối với số tiền trên từ ngày 20/7/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

Đối với 11 dây hội trên, tại phiên tòa sơ thẩm bà M xác định do tháng 12/2021 bị Covid nên đã dừng thu 01 tháng, do đó thời gian mãn hội của 11 dây hội trên kéo dài thêm 01 tháng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thành C trình bày:

Bà Phan Tuyết M yêu cầu ông và bà Dương Thùy V trả cho bà Phan Tuyết M số tiền nợ hội 405.000.000 đồng là không đúng với thực tế, cụ thể như sau: Giữa ông và bà Dương Thùy V không còn quan hệ tình cảm, không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 08/2015 cho đến nay; giữa ông và bà V không còn làm kinh tế chung, không còn liên quan đến tiền bạc, tài sản với nhau từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay; giữa ông và bà V đã có quyết định ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tại quyết định số 156/2022/QĐCNTTLH ngày 24/10/2022; việc giao dịch chơi hội giữa bà Phan Tuyết M và bà Dương Thùy V phía ông hoàn toàn không biết; ông với bà Phan Tuyết M không có bất kỳ thỏa thuận nào về quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong giao dịch - thanh lý hội giữa bà Dương Thùy V với bà Phan Tuyết M; ông và bà V với bà M không có bất kỳ thỏa thuận nào về quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong giao dịch - thanh lý hội giữa bà V với bà M; tại biên bản hòa giải giữa hai cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phú Tân và Ban Dân vận Huyện ủy Phú Tân vào ngày 07/8/2015 "... động viên hòa giải chúng tôi giữ hòa khí, hoàn thành nhiệm vụ tại cơ quan công tác, không làm ảnh hưởng uy tín, danh dự... của nhau..."; từ tháng 8/2015 cho đến nay, ông chịu trách nhiệm kỹ thuật nuôi

tôm công nghiệp cho ông Nguyễn Thanh Tùng ở ấp Cái Đồi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái và suốt thời gian đó giữa ông và bà V không còn bất kỳ quan hệ tình cảm, quan hệ kinh tế, cũng như các mối quan hệ bên ngoài xã hội với nhau.

Từ những vấn đề trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M đối với ông.

- Bị đơn bà Dương Thùy V mặc dù đã được Tòa án thông báo và triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không thể hiện ý kiến trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M.

Buộc ông Nguyễn Thành C và bà Dương Thùy V cùng liên đới trả cho bà Phan Tuyết M số tiền nợ hui là 431.066.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/3/2024, ông Nguyễn Thành C là bị đơn kháng cáo. Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đồng ý với bản án sơ thẩm; số tiền hui 450 triệu đồng trong 11 dây hui bà M khởi kiện trong vụ án này là tính từ ngày 22/4/2022 cho đến khi các dây hui mãn, bởi vì năm 2002 bà M khởi kiện bị đơn thiếu tiền hui chết đến hết ngày 02/4/2022 và đã được TAND huyện Phú Tân xét xử tại bản án sơ thẩm số 176/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 và TAND tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm tại bản án số 106/2023/DS-PT ngày 07/4/2023. Bà M yêu cầu ông C cùng có trách nhiệm trả là vì ông C biết việc bà V tham gia hui, ông C có chuyển tiền đóng hui, bà V hót hui để làm kinh tế gia đình, hiện tại ông C bà V vẫn chung sống với nhau.

- Bị đơn, ông Nguyễn Thành C trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, vì: số tiền hui chưa được đối chiếu, bà V tham gia hui và hót hui ông C không biết, vợ chồng ông ly thân từ tháng 8/2015, nên không còn bất kỳ quan hệ tình cảm, quan hệ về kinh tế, tiền bạc không liên quan đến nhau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thành C nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị đơn bà Dương Thùy V, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa, nhưng bà V vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bà V.

[3] Qua xem xét toàn diện chứng cứ, thể hiện

[3.1] Năm 2022, bà Phan Tuyết M khởi kiện bà Dương Thùy V, ông Nguyễn Thành C thiếu tiền hội chết tính đến ngày 02/4/2022 của 11 chung hội (trong 09 dây hội), được TAND huyện Phú Tân xét xử tại bản án số: 176/2022/DS-ST ngày 27/9/2022; TAND tỉnh xét xử phúc thẩm tại bản án dân sự số: 106/2023/DS-PT ngày 07/4/2023.

Kể từ ngày 22/4/2022 đến ngày mãn hết 11 chung hội, bà V không đóng hội chết, nên bà M khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hội chết với tổng số tiền 405.000.000 đồng. Tất cả những dây hội này bà M khai đến mãn hội và chung hội đầy đủ cho hội viên hốt hội, chỉ có bà V hốt hội nhưng không đóng hội chết đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M, vì đã qua hàng tháng bà M phải xuất tiền để lấp hội cho bà V, nên việc bà M yêu cầu lãi suất sau khi mãn hội là phù hợp. Bà M đã cung cấp danh sách 09 dây hội và số lần hội chết của mỗi chung mà bị đơn còn thiếu, yêu cầu 405.000.000 đồng tiền hội là có căn cứ chấp nhận, bởi vì số tiền 405 triệu đồng của 11 chung hội chết là những kỳ hội chết tiếp theo của 11 chung hội mà bản án sơ thẩm số: 176/2022/DS-ST và bản án phúc thẩm số: 106/2023/DS-PT đã xét xử.

[3.2] Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2024/DS-ST ngày 23/02/2024 của TAND huyện Phú Tân xét xử buộc bà V ông C thanh toán tiền hội chết và lãi suất tổng cộng là 431.066.000 đồng, bà V không kháng cáo, chỉ có ông C kháng cáo.

Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Thành C liên đới cùng bà Dương Thùy V thanh toán nợ cho bà M là có cơ sở, bởi lẽ:

(1) Số tiền hội 405.000.000 đồng là tiền hội chết của những kỳ hội tiếp theo của 11 chung hội mà bản án sơ thẩm số: 176/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 và bản án phúc thẩm số 106/2023/DS-PT ngày 07/4/2023 đã quyết định, hai bản án này đã nhận định rõ trách nhiệm liên đới của ông C về việc thanh toán tiền hội cho bà M và bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, buộc ông C cùng có trách nhiệm thanh toán nợ;

(2) Tại Văn bản Số: 344/MTTQ-BTT ngày 13/3/2023 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phú Tân gửi Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, có nội dung: Tại buổi làm việc và bà V thừa nhận có nợ bà Phan Tuyết M và ông C lúc đầu cho rằng việc bà V chơi hội bà M là ông không biết nhưng bà V nhắc lại việc hốt hội để chuộc đất (9 cây vàng và 100 triệu đồng), mua đất và đưa tiền cho ông C nuôi tôm công nghiệp. Đồng thời, bà V còn nhắc với ông C vào năm 2015 vợ chồng mình hàng tháng vẫn phải đóng hội cho cô M khoảng 25 triệu đồng. Từ lời trình bày của bà V, với sự phân tích của tập thể lãnh đạo hai cơ quan, ông C thống nhất giao thừa đất ở ấp Tân Nghĩa, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân là

tài sản chung của vợ chồng để bà V trả nợ cho bà M; tuy nhiên, sau đó Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phú Tân có Văn bản số 354/MTTQ-BTT ngày 29/3/2023 thu hồi Văn bản số 344, nhưng qua lời khai của bà M và một số nguyên đơn đã khởi kiện đối với ông C, bà V họ đều xác nhận bà M làm chủ hụi trong thời kỳ hôn nhân tồn tại và có mục đích phục vụ cho kinh tế gia đình.

(3) Tháng 9/2022, TAND huyện Phú Tân ban hành 04 Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, cả 04 quyết định thì bị đơn là ông C, bà V có trách nhiệm liên đới trả nợ cho 04 nguyên đơn tổng số tiền hơn 3 tỷ đồng; trong khi đó giấy nhận nợ xác lập năm 2018, 2019 và năm 2020 chỉ có ông C ký tên giao dịch, ký tên nhận nợ; qua đó, cho thấy lời trình bày của bà V thể hiện tại Văn bản số 344 là vợ chồng cùng có trách nhiệm các khoản nợ vay nuôi tôm công nghiệp, chuộc đất... là sự thật.

Tại khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”; “Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để đảm bảo nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng”.

Với phân tích trên, bản án sơ thẩm buộc ông C, bà V có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho bà M là đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành C yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do chưa đối chiếu số tiền hụi và ông C không có trách nhiệm liên đới trả nợ; nhận thấy, số tiền hụi bà M khởi kiện đã được bà M cung cấp chứng từ, danh sách hụi viên và sổ chung hụi chết bà M chưa đóng, cấp sơ thẩm không vi phạm về tố tụng, không sai sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ; yêu cầu hủy án của ông C không thuộc trường hợp hủy án theo quy định tại Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; do đó không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành C.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông C phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2024/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M.

Buộc ông Nguyễn Thành C và bà Dương Thùy V cùng liên đới trả cho bà Phan Tuyết M số tiền nợ hui là 431.066.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Thành C và bà Dương Thùy V cùng liên đới chịu 21.242.640 đồng (*Hai mươi một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*).

Bà Phan Tuyết M được nhận lại số tiền 10.100.000 đồng đã dự nộp tại Biên lai số 0019089 ngày 20 tháng 07 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành C chịu 300.000 đồng, đã dự nộp tại Biên lai số 0003327 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

